

Nguyên tắc II trong tuyên bố của hội nghị Liên Hiệp Quốc về môi trường và con người nhóm họp tại Stockholm từ ngày 5 - 16.6.1972 đã nêu ra như sau:

"Tài nguyên thiên nhiên của trái đất bao gồm không khí, bầu trời, thực vật, động vật và đặc biệt là hệ sinh thái thiên nhiên nhạy cảm phải được bảo vệ an toàn vì quyền lợi của thế hệ hôm nay và tương lai thông qua công tác quy hoạch và quản lý thích hợp". Tài nguyên rừng là một loại tài nguyên thiên nhiên, là nơi tập trung của cả động thực vật và vi sinh vật. Rừng chứa đựng nguồn tài

hơn 43%, đến năm 1977 tỷ lệ trên còn lại là 33,7%, năm 1990 chỉ còn lại là 27,3% và đến năm 1995 thì có tăng đôi chút (so với 1990) là 28,2%.

Cơ cấu đất đai toàn quốc hiện có như sau:

- + Đất có rừng chiếm 28,2%
 - + Đất không rừng chiếm 41,8%
 - + Đất khác chiếm 30%
- Riêng đất có rừng lại được phân chia thành:
- + Rừng sản xuất chiếm 53%
 - + Rừng phòng hộ chiếm 37%
 - + Rừng đặc dụng chiếm 10%
- Qua số liệu thống kê của Viện điều

họa cho môi trường do phá rừng mang lại như:

- + Thoái hóa đất đai
- + Thảm thực vật bị phá hủy
- + Nguồn tài nguyên bị suy thoái
- + Độ ẩm đất và nước ngầm bị tụt sâu
- + Gây ra sự sụt lún đất đai
- + Làm cho khí hậu thay đổi bất thường
- + Gia tăng các tác hại của hiệu ứng nhà kính.

Rừng là bộ máy tiêu thụ CO₂, khả năng đó bị giảm sút một khi diện tích rừng bị thu hẹp. Trung bình khoảng từ 150 - 200 triệu ha rừng thì có thể hấp thụ được 1 tỷ tấn CO₂. Như vậy, cứ mất đi 1 ha rừng thì lượng CO₂ sẽ không được hấp thụ tăng lên khoảng 5 đến 7 tấn.

Ở VN, từ năm 1976 đến 1995 thì diện tích rừng bị mất đi 1.867.100 ha, điều đó có nghĩa là sự hấp thụ CO₂ giảm đi khoảng từ 9.335.500 đến 12.509.500 tấn. Trung bình diện tích rừng hàng năm giảm đi 93.355 ha thì tương ứng với lượng CO₂ không được hấp thụ khoảng 446.775 - 625.478 tấn. Trong khi đó, lượng CO₂ công nghiệp thải ra ngày càng nhiều, làm cho môi trường ngày càng biến đổi theo chiều hướng xấu đi, hiệu ứng nhà kính phát huy tác dụng đến mức tiêu cực.

Trước sự tác động của con người đối với tài nguyên rừng và môi trường, cùng với sự phát triển kinh tế và đời sống hiện đại, tài nguyên rừng và môi trường bị suy giảm một cách nhanh chóng, gây ra những hậu quả không thể lường trước được. Mặc dù, hiện nay nhà nước đã có những chính sách, những chương trình để hạn chế sự suy giảm đó. Tuy nhiên, để bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường nhằm bảo vệ và nâng cao hiệu quả kinh tế tài nguyên rừng và môi trường VN cần hoàn thiện một số giải pháp như sau:

1. Hoàn thiện và củng cố bộ máy quản lý nhà nước ngành lâm nghiệp trong hệ thống quản lý nhà nước của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn để bảo vệ và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội tài nguyên rừng và môi trường trong toàn quốc.

2. Để bảo vệ có hiệu quả tài nguyên rừng và môi trường cần phải củng cố hệ thống kiểm lâm nhân dân từ trung ương tới từng địa phương:

- Đào tạo và tiêu chuẩn hóa cán bộ kiểm lâm nhân dân các cấp từ cục đến các chi cục.

- Tăng cường biên chế đủ số lượng để kiểm soát và bảo vệ rừng có hiệu quả trong toàn quốc.

- Tăng thêm ngân sách chi cho ngành kiểm lâm để đảm bảo đời sống, tạo điều kiện để thực hiện chức năng kiểm soát và bảo vệ tài nguyên rừng có hiệu quả cao.

- Gia tăng quyền lực và thực hiện việc quản lý theo ngành dọc một cách chặt chẽ. Cần có những quy chế hoạt

MỘT SỐ GIẢI PHÁP KINH TẾ, KỸ THUẬT NHẪM BẢO VỆ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI TÀI NGUYÊN RỪNG VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

TS. PHAN THÚC HUÂN

nguyên sinh vật có thể tái tạo được. Tuy nhiên, một khi rừng đã bị phá hại nghiêm trọng, gây ra hiện tượng xói mòn, laterite hóa... thì môi trường đất ở đó trở nên khô cằn và thậm chí biến thành "đất chết" không còn có khả năng để khôi phục lại trạng thái rừng ban đầu. Vì vậy, cần phải thận trọng trong việc khai thác nhằm bảo vệ tính bền vững của rừng. Cần khẳng định rằng: rừng có vai trò vô cùng quan trọng trong nền kinh tế quốc dân:

- + Là môi trường sống tự nhiên
- + Là bộ máy quang hợp có khả năng điều tiết, điều hòa khí hậu
- + Góp phần điều tiết chế độ thủy văn

- + Bảo vệ nông nghiệp, bảo vệ đồng ruộng

- + Ngăn cản các tác hại của các chất phóng xạ, làm giảm thiểu tiếng ồn, giảm ô nhiễm không khí, đem lại sự thanh thản cho con người.

- + Cung cấp gỗ và các nguyên liệu cho các hoạt động kinh tế.

Rừng VN chủ yếu là rừng ẩm nhiệt đới, rất phong phú và đa dạng. Theo *Thảm thực vật Việt Nam* (Thái Văn Trùng) thì rừng VN được chia làm 14 kiểu chính, trong đó:

- + Rừng rú kín vùng núi thấp: có 4 kiểu
- + Rừng thưa: có 3 kiểu
- + Trảng, trướng: có 2 loại
- + Rừng kín vùng cao: có 5 kiểu.

Do trải qua những biến động của lịch sử, tài nguyên rừng của VN đã bị tàn phá một cách nghiêm trọng. Trước năm 1943, tỷ lệ che phủ rừng của VN vẫn còn

tra quy hoạch rừng - Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn - cho thấy, diện tích đất rừng VN có xu hướng giảm sút qua các thời kỳ điều tra.

- + Diện tích đất có rừng năm 1976 là 11.169.300 ha, năm 1995 còn lại là 9.302.200 ha, tức là giảm mất 1.867.100 ha. Tỷ lệ giảm là 16,7% và bình quân mỗi năm giảm mất 93.355 ha.

Diện tích rừng tự nhiên 1976 là 11.076.700 ha thì đến năm 1995 còn lại là 8.252.500 ha, giảm mất 2.824.200 ha. Tỷ lệ suy giảm là 25,5%, và bình quân mỗi năm giảm mất 148.642 ha.

Trong khi đó, diện tích rừng trồng có gia tăng chút ít nhưng không đủ để bù đắp được sự giảm sút của diện tích đất rừng và rừng tự nhiên, đặc biệt là sự suy thoái của rừng tự nhiên ngày càng gia tăng. Năm 1976 diện tích rừng bình quân/người 0,23 ha, năm 1990 giảm xuống còn 0,16 ha, năm 1995 xuống còn 0,13 ha, và hiện nay chỉ còn khoảng 0,12 ha (bằng 1/5 lần so với thế giới). Tỷ lệ mất rừng của VN trung bình hàng năm lại gấp 5 lần so với thế giới. Trong tổng số 8.252.500 ha rừng tự nhiên hiện có (theo điều tra vào giai đoạn 1995) thì có tới 2/3 diện tích là rừng nghèo kiệt, không có giá trị kinh tế đáng kể.

Quá trình hình thành và phát triển kinh doanh tài nguyên rừng VN đã có lịch sử lâu dài, tiếp đến là gần 100 năm đô hộ của thực dân Pháp, 20 năm xâm lược của đế quốc Mỹ và những năm mở của kinh tế thị trường. Do đó, rừng của ta không thể thoát khỏi sự tàn phá khốc liệt, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái VN. Những hiểm

động của ngành kiểm lâm nhân dân rõ ràng để tránh những chi phối của địa phương và các ngành khác nhau, phân đấu thực hiện chức năng bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường.

- Cần có quy chế giám sát hoạt động của ngành kiểm lâm nhân dân một cách chặt chẽ, tránh những tiêu cực có thể phát sinh trong ngành trong quá trình hoạt động gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

3. Hoàn thiện hệ thống tổ chức sản xuất kinh doanh của ngành lâm nghiệp bao gồm: hệ thống sản xuất, nuôi trồng, phục hồi rừng; khai thác rừng; kinh doanh, chế biến gỗ và các lâm sản khác cụ thể:

- Cải tổ và hoàn thiện lại hình thức sản xuất, kinh doanh của các lâm trường quốc doanh hiện có. Các lâm trường này cần tập trung chủ yếu vào các khâu:

+ Trồng rừng

+ Khoanh nuôi, bảo vệ và phục hồi rừng

+ Tạo cây giống để trồng và cung cấp cho các thành phần kinh tế khác tham gia vào việc trồng rừng.

+ Đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trong sản xuất, kinh doanh rừng và hỗ trợ kỹ thuật cho các thành phần kinh tế khác tham gia vào lâm nghiệp rừng.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh tham gia vào sản xuất, kinh doanh nghề rừng:

+ Xây dựng các hợp tác xã tự nguyện cổ phần trồng rừng, hợp tác xã sản xuất nông lâm kết hợp.

+ Khuyến khích phát triển các trang trại nông lâm kết hợp để tận dụng hết năng suất đất rừng, phục hồi rừng, có hình thức cho vay vốn, giúp đỡ xây dựng cơ bản cho việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

- Phát triển công nghiệp chế biến gỗ tạp, ngâm tẩm và sản xuất ra các sản phẩm tiêu dùng.

- Tăng sản phẩm hàng hóa chất lượng cao cho xuất khẩu, quản lý chặt chẽ các loại gỗ quý, các động vật quý hiếm để bảo vệ tài nguyên rừng; thực hiện kinh doanh lâu dài, liên tục và phát triển kinh tế bền vững.

4. Do diện tích rừng tính trên đầu người ở nước ta chỉ có 0,12 ha, bằng 1/5 lần so với thế giới, tỷ lệ mất rừng của ta hàng năm lại cao gấp 5 lần thế giới (tỷ lệ mất rừng của VN khoảng 1,4%/năm trong khi thế giới chỉ có 0,3%/năm), trong 8,25 triệu ha rừng tự nhiên còn lại hiện nay có đến 2/3 diện tích đã trở nên nghèo kiệt (trữ lượng gỗ bình quân dưới 100m³/ha). Vì vậy, cần thực hiện đóng cửa rừng tự nhiên, đặc biệt là rừng nghèo, không được khai thác gỗ trong một khoảng thời gian quá dài (khoảng 20 năm) và nuôi dưỡng cho rừng phục hồi, duy trì sự cân bằng sinh thái chung trong toàn quốc.

5. Đẩy mạnh công tác trồng rừng trên toàn quốc với tốc độ cao, tích cực đầu

tư ngân sách cho việc trồng rừng thích đáng cùng với việc đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho nhân dân miền núi để họ trồng rừng, quản lý và bảo vệ rừng có hiệu quả hơn. Đẩy mạnh công tác trồng mới 5 triệu ha rừng cùng với việc bảo vệ diện tích rừng hiện có để đưa tỷ lệ che phủ rừng VN từ 28,2% (hiện nay) lên đến 43% (vào năm 2010) góp phần vào việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu thiên tai, tăng khả năng sinh thủy, bảo tồn nguồn gen và tính đa dạng sinh học. Sử dụng hiệu quả đất rừng, tài nguyên rừng nhằm mục đích bảo vệ tối đa nguồn cung cấp gỗ và nguyên vật liệu cho ngành công nghiệp chế biến, phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

6. Cần thiết phải xây dựng và chỉnh trang các khu rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các loại rừng đặc dụng. Cần xây dựng các dự án để lựa chọn việc đầu tư có hiệu quả và có biện pháp quản lý chặt chẽ các loại rừng.

Tùy theo từng vùng mà đầu tư mở rộng diện tích rừng một cách thích hợp. Nâng cấp một số khu rừng bảo tồn, bảo tàng thành vườn quốc gia, và giảm bớt diện tích rừng sản xuất để bảo vệ nghiêm ngặt tài nguyên rừng.

Để bảo tồn, phục vụ cho cuộc sống, cho lợi ích chung và đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, trước mắt là để cho rừng không bị tàn phá, chấm dứt nạn săn bắn, buôn bán động vật hoang dã quý hiếm, ngành lâm nghiệp cần chú ý đến một số vấn đề sau:

* Hệ thống rừng đặc dụng là tài sản của quốc gia, chúng có chức năng bảo tồn sinh thái, bảo tồn tính đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường... Vì vậy, chúng cần phải được bảo vệ một cách có hiệu quả.

- Thứ nhất, cần sắp xếp lại các khu rừng đặc dụng. Phân hạng quản lý và quy định chức năng từng loại theo hướng của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới, kết hợp với luật bảo vệ và phát triển rừng của VN:

. Vườn quốc gia được quản lý chủ yếu để bảo vệ sinh thái và giải trí. Như vậy, vườn quốc gia có các hoạt động mở rộng hơn, có thể tiến hành các hoạt động phục hồi rừng, phục hồi các loài thú hoang dã, xây dựng vườn thực vật, các tuyến du lịch sinh thái, các nơi giải trí, thư giãn.

. Khu bảo tồn loài: là khu bảo tồn thiên nhiên, nhưng chủ yếu để bảo tồn sinh cảnh cho một hoặc một số loài nhằm bảo vệ chúng một cách có hiệu quả, có thể có sự tham gia của con người theo hướng tích cực để góp phần vào việc quản lý, bảo vệ, tạo môi trường sống thích hợp cho động thực vật.

. Khu dự trữ thiên nhiên: cần được bảo tồn nghiêm ngặt, quản lý chủ yếu để phục vụ cho nghiên cứu khoa học và bảo vệ tính hoang dã của tự nhiên.

. Khu cảnh quan: là những khu rừng lịch sử, hoặc có di tích lịch sử văn hóa, những khu có phong cảnh hoặc có cảnh quan đặc sắc được quản lý chủ yếu để bảo

tồn di tích, các cảnh quan phục vụ cho tham quan, giải trí.

* Thứ hai: cần phải mở rộng quyền quản lý, sử dụng các khu rừng đặc dụng, nhưng không nhất thiết là phải trực tiếp quản lý tất cả các khu rừng đặc dụng quan trọng như vườn quốc gia, các khu dự trữ thiên nhiên và một số khu bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra, nhà nước cần thống nhất, không nên giao quyền sử dụng lâu dài về đất lâm nghiệp ở rừng đặc dụng cho các hộ nông dân hoặc các tổ chức ngoài quốc doanh.

* Thứ ba là người dân và địa phương, nơi có rừng được quyền tham gia quản lý và chia sẻ những lợi ích của rừng đặc dụng. Hiện nay, nhà nước chưa có chính sách rõ ràng và khả thi đối với người dân và địa phương nơi có rừng. Vì vậy, cần phải quy định những điều "cấm" hoặc những hạn chế về các vấn đề có liên quan đến lợi ích của người dân. Cần chia sẻ những lợi ích với người dân và địa phương nơi có rừng như: du lịch, ngủ qua đêm trong rừng, chuyên chở người. Nếu không chia sẻ quyền lợi quản lý với người dân thì việc quản lý sẽ trở nên kém hiệu quả và không bền vững.

* Thứ tư, cần phải phân cấp quản lý rõ ràng cho chính quyền địa phương và giải quyết lợi ích cho từng đối tượng tham gia vào quản lý rừng một cách chính đáng.

* Thứ năm, cần sắp xếp lại hệ thống các khu rừng đặc dụng một cách hợp lý, đa dạng sinh học có ở mọi nơi và phải được bảo vệ. Tuy nhiên, trên thực tế còn quá nhiều mục tiêu khác cần bảo vệ, cho nên việc sắp xếp lại, lựa chọn những khu vực giàu tiềm năng về đa dạng sinh học để tập trung bảo vệ nhằm phục vụ cho định hướng phát triển bền vững và sử dụng bền vững là tất yếu. Không nên quan tâm đến số lượng các khu rừng đặc dụng, mà quan trọng là chất lượng cũng như tổng diện tích của các khu rừng đặc dụng đó.

* Thứ sáu là cần thiết đưa các hoạt động du lịch sinh thái vào các khu rừng đặc dụng nhằm gia tăng thu nhập cho người dân và làm phong phú thêm đời sống tinh thần cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, cần phải có biện pháp quy hoạch chặt chẽ để bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển du lịch sinh thái phải phù hợp với định hướng phát triển bền vững.

* Thứ bảy là quy hoạch, sử dụng đất đai trong toàn quốc và giao quyền sử dụng lâu dài kèm theo các chính sách về vốn và khuyến khích để người dân tích cực tham gia vào việc trồng rừng sản xuất.

* Thứ tám là xây dựng các tiêu chuẩn bền vững về quản lý rừng VN, các chỉ tiêu đánh giá để việc quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường có hiệu quả cao.

* Thứ chín là đào tạo cán bộ kỹ thuật không chỉ giới về lâm sinh, lâm canh mà còn giới về môi trường sinh thái và biết cả về du lịch để tiến hành quản lý

các khu rừng đặc dụng có hiệu quả hơn.

7. Rà soát lại diện tích các loại đất rừng ở các vùng đồi núi cũng như các loại đất chuyên sản xuất nông nghiệp không hiệu quả. Những vùng đất mà các nông lâm trường kinh doanh không mang lại hiệu quả, cần nhanh chóng trả lại cho nhà nước. Nhà nước cần phải tổ chức lại sản xuất và sử dụng đất đúng mục đích, đúng chức năng và khôi phục lại vốn rừng.

8. Cần quy hoạch và có kế hoạch phát triển các vùng miền núi có khả năng sản xuất nông nghiệp. Nhà nước cần phải phối hợp với các tỉnh đồng bằng đông dân cư có người di dân với các tỉnh miền núi để tạo ra sự thuận lợi trong việc di cư và định cư nhằm ổn định và tránh gây ra sự phá hoại rừng.

9. Xây dựng và thực hiện quy hoạch tài nguyên và môi trường trong toàn lãnh thổ quốc gia. Thực hiện chiến lược bảo vệ tài nguyên môi trường; trên cơ sở quy hoạch tổng thể cả nước về các vùng kinh tế như đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, đông bắc, tây bắc, Bắc Trung bộ, ven biển Nam Trung bộ, Đông Nam bộ, Tây Nam bộ, các tam giác kinh tế TP.HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu và Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Thực hiện chiến lược bảo vệ chất lượng môi trường sống, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ sự phong phú của tài nguyên thiên nhiên của từng vùng.

10. Bảo vệ và phát huy đa dạng tài nguyên sinh vật, bảo vệ các nguồn gen, các loài động thực vật quý hiếm.

Do nạn khai thác rừng bừa bãi, đốt phá rừng...nên nhiều loài động thực vật quý hiếm rơi vào nguy cơ tuyệt chủng. Một số loài quý hiếm như voi bị mất môi trường sống. Hiện tượng rừng dần voi về phá rẫy, giết dần xảy ra ở Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán, Tà Nong...là những minh chứng cho việc cần thiết phải có biện pháp quy hoạch lại rừng, khoanh nuôi và bảo vệ đàn voi. Sự khai thác, săn bắn những loài động thực vật quý hiếm của những người chỉ biết chạy theo lợi nhuận cá nhân cho nên loài Lan Hải đặc hữu quý hiếm của VN (*Paphiopedilam Delarati*) bị một thương nhân nước ngoài vào khai thác chuyển về hàng tấn. Loài tê giác (*Rhinoceros Sondaicus Desnease*) còn quá ít và có nguy cơ tuyệt chủng.

Vì vậy, việc bảo vệ tài nguyên sinh vật ngày càng trở nên cấp thiết, cần phải thực hiện một cách nghiêm ngặt, phải kiên quyết phạt nặng, đưa ra truy tố những người có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng của nhà nước.

11. Cần phải phát triển cả diện tích và chất lượng cây xanh đô thị, các lâm viên ven đô, các khu chế xuất, khu công nghiệp, các vành đai xanh đô thị...đồng thời đẩy mạnh việc trồng cây phân tán trên toàn lãnh thổ quốc gia, để phối hợp việc bảo vệ, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển rừng trồng, tạo sự cân bằng sinh

thái, cải tạo điều kiện khí hậu chung, phục vụ cho sự phát triển bền vững.

12. Từ năm 1989 đến nay, nhà nước đã ban hành các đạo luật, pháp lệnh cho từng loại tài nguyên và môi trường như: Luật bảo vệ và phát triển rừng (19.8.1991), Luật bảo vệ môi trường (10.1.1994) và nhiều văn bản pháp lệnh khác có liên quan đến việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Để bảo vệ và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội tài nguyên rừng và môi trường cần thiết phải hoàn thiện, bổ sung hệ thống pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường VN tương đồng với các nước trên thế giới. Cần có một số văn bản dưới luật của nhà nước để quy định về trách nhiệm bảo vệ tài nguyên rừng cho từng địa phương quản lý và các tổ chức sản xuất kinh doanh. Do trách nhiệm về bảo vệ tài nguyên rừng chưa được làm rõ trong Luật bảo vệ và phát triển rừng, cho nên, các văn bản dưới luật này cần quy định rõ khi diện tích rừng bị mất thì từng cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương có liên quan phải chịu trách nhiệm cụ thể cho diện tích bị mất đó.

13. Cần xây dựng một chương trình đầu tư, giáo dục nhận thức về tài nguyên môi trường cho toàn dân, đồng thời kiểm tra, theo dõi việc thi hành luật bảo vệ tài nguyên và môi trường, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn cùng với Bộ khoa học công nghệ và môi trường phải tổ chức kết hợp chặt chẽ cùng các bộ chuyên ngành khác, các thành phố, các tỉnh, các sở khoa học công nghệ và môi trường và các sở chuyên ngành, các quận huyện...tạo thành một mạng lưới liên kết thực hiện việc thông tin giáo dục môi trường, thi hành pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Cần dựa vào dân để bảo vệ tài nguyên rừng, cần trân trọng và ý thức cho người dân biết việc bảo vệ rừng là quyền lợi của chính bản thân họ, cũng như bảo vệ lợi ích chung cho quốc gia. Vì vậy, cần phải nâng cao trình độ dân trí, tuyên truyền các thể chế, chính sách bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường cho người dân, hướng dẫn vào những hành động cụ thể trong việc bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường, đối phó với những hiện tượng xâm lấn, vi phạm đến tài nguyên rừng.

Xây dựng và phát huy nguồn nhân lực nhằm tạo sự trong lành cho môi trường của con người.

Có thể nói con người là nguồn lực quan trọng nhất của quá trình phát triển, của công cuộc bảo vệ tài nguyên và môi trường trong đó có tài nguyên rừng. Các hình thức tổ chức quản lý, các chính sách, các hoạt động kinh tế - xã hội đều do con người tạo ra, xây dựng và thực hiện. Cho nên, một đất nước muốn phát triển bền vững, phải coi trọng ngay từ

đầu việc bảo vệ nguồn nhân lực cũng như bảo vệ tài nguyên và môi trường. Để thực hiện được điều đó, trước hết phải đào tạo con người một cách nghiêm chỉnh cả đạo đức tác phong và cả về vấn đề chuyên môn khoa học, kỹ thuật.

Hiện nay, ở nước ta, tài nguyên rừng đang bị khai thác dần đến cạn kiệt, môi trường bị xuống cấp trầm trọng. Môi trường xã hội và nhân văn, mặc dù có những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, thế nhưng, vấn đề đào tạo từ phổ thông đến cấp đại học trong những năm gần đây có những biểu hiện tiêu cực, điển hình là sự xuống cấp về đạo lý, do đó những tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển kinh tế. Vì vậy, cần nhanh chóng chấn chỉnh những khuyết điểm trong công tác đào tạo, giáo dục ý thức công dân và quản lý an ninh trật tự văn hóa - xã hội để con người bước vào thế kỷ mới có đủ khả năng để bảo vệ nguồn tài nguyên, bao gồm cả tài nguyên rừng và môi trường nhằm phục vụ cho sự phát triển bền vững đưa đất nước tiến lên một nền công nghiệp phát triển.

14. Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường, đặc biệt là sự hợp tác với các nước trong khu vực. Từ những năm 80, VN đã hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế, phi chính phủ (Hiệp hội bảo vệ thiên nhiên quốc tế - IUCN, Chương trình môi trường Liên Hiệp Quốc - UNEP, Cơ quan phát triển quốc tế Thụy Điển - SIDA...). Vấn đề đặt ra hiện nay là tranh thủ sự giúp đỡ về ngân sách, về khoa học kỹ thuật để thực hiện chương trình bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường ở nước ta, góp phần vào việc bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật và đảm bảo sự cân bằng sinh thái và phát triển bền vững trong khu vực cũng như toàn cầu. Đối với các nước láng giềng trong khu vực, việc hợp tác để bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường là vô cùng quan trọng cần phải hợp tác với Trung Quốc để bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước sông Hồng. Hợp tác với Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia để bảo rừng đầu nguồn sông Mê Kông nhằm đảm bảo sự phát triển ở vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long trên cả hai lĩnh vực sản xuất và môi trường, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội tài nguyên rừng và môi trường VN.

Thực hiện được các giải pháp trình bày ở trên về kết hợp đồng bộ với những vấn đề môi trường đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế hiện nay ở VN, không những tài nguyên rừng của nước ta được phục hồi mà còn phát triển. Phục hồi lại sự cân bằng sinh thái, thì môi trường sẽ trở nên trong lành, hạn chế được các thiên tai, lũ lụt, hạn hán...Tài nguyên rừng được tái tạo lớn hơn lượng khai thác sẽ là điều kiện cần thiết để có sự phát triển bền vững của đất nước ■